

Bản án: 195/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-12-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông La Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đẹt - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 521/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/9/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Võ Văn H trình bày: Ông và bà Lê Thị N sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Bà N dùng nhiều lời lẽ xúc phạm đến ông. Ông đã nhiều lần khuyên bà N nhưng bà N vẫn không thay đổi tính tình nên ông và bà

N sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nên ông yêu cầu được ly hôn bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Lê Kiều M, sinh ngày 20/10/2002 (đã trưởng thành) và Võ Lê Thiên P, sinh ngày 05/6/2006. Sau khi ly hôn, ông để Võ Lê Thiên P cho bà N tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Bà trình bày về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như ông H đã trình bày. Vợ, chồng chung sống không có phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 9 năm 2021 ông H bỏ nhà đi cho đến nay, bà cũng không biết vì sao ông H lại bỏ đi. Sau đó, bà và ông H có gặp mặt nhưng phát sinh mâu thuẫn, không giải quyết được. Nay ông H xin ly hôn bà không đồng ý, bà mong muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng chung sống lo cho con.

Về con chung: Có hai con chung tên Võ Lê Kiều M, sinh ngày 20/10/2002 (đã trưởng thành) và Võ Lê Thiên P, sinh ngày 05/6/2006. Nếu tòa xử cho ly hôn, bà xin nuôi Võ Lê Thiên P, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Võ Văn H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị N, bà N hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn H và bà Lê Thị N chung sống với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, nên hôn nhân giữa ông H và bà N được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, ông H và bà N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H xin ly hôn bà N. Ngược lại, bà N không đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy, ông H và bà N sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, thời gian sống ly thân cũng đã lâu nhưng ông H và bà N không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên ông H cương quyết xin ly hôn. Bà N mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông H

xin ly hôn với bà N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N.

Con chung: Sau khi ly hôn bà N xin được quyền nuôi Thiên P. Xét thấy, cháu P hiện đang sống chung với ông H và bà N ổn định. Bà N có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Ông H cũng thống nhất để cháu P cho bà N nuôi nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu P cho bà N nuôi là phù hợp cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu P là khi ông H và bà N ly hôn, cháu P có nguyện vọng sống với bà N. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không có yêu cầu.

Tài sản chung: Ông H và bà N khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Ông H và bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H đối với bà Lê Thị N về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn H được ly hôn với bà Lê Thị N.

Việc nuôi con: Bà Lê Thị N được quyền tiếp tục Lê Thiên P, sinh ngày 05/6/2006, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H và bà N tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Võ Văn H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, ông H được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008767 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã Đức Hòa Thượng;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên